

“Cạnh tranh chiến lược” trong quan hệ quốc tế: Phạm trù và các biến số tác động

Trần Nam Tiến^(*)

Tóm tắt: Hiện nay, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn chi phối khá lớn đến tình hình quan hệ quốc tế ở cấp độ toàn cầu và khu vực. Sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn kéo theo quá trình tập hợp lực lượng của các cường quốc dẫn đến những biến động địa chính trị, địa kinh tế và tác động trực tiếp đến lợi ích của các nước khác ở cấp độ khu vực và toàn cầu. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung trình bày: 1) Những nội hàm cơ bản của “cạnh tranh” và “cạnh tranh chiến lược” từ góc nhìn quan hệ quốc tế; và 2) Các biến số tác động đến “cạnh tranh chiến lược” trong quan hệ quốc tế hiện nay.

Từ khóa: Cạnh tranh, Cạnh tranh chiến lược, Quan hệ quốc tế, Cường quốc

Abstract: At present, strategic competition among great powers is fierce, strongly affecting the regions and the world. The strategic competition between the great powers entails the gathering of forces of the great powers leading to geopolitical and geo-economic fluctuations and directly affecting the interests of other countries at the global and regional levels. On that basis, the article focuses on presenting: 1) The basic connotations of “competition” and “strategic competition” from the perspective of international relations; and 2) Variables affecting “strategic competition” in international relations today.

Keywords: Competition, Strategic Competition, International Relations, Great Power

1. “Cạnh tranh” (competition) và “cạnh tranh chiến lược” (strategic competition) từ góc nhìn quan hệ quốc tế

Theo *Hán - Việt từ điển*, “cạnh tranh” (competition) được hiểu là “ganh đua hơn thua” (Nguyễn Văn Khôn, 1960). Theo *Từ điển bách khoa Việt Nam* (tập 1), cạnh tranh là “hoạt động tranh đua giữa những người sản xuất hàng hóa, giữa các thương

nhân, các nhà kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, chi phối bởi quan hệ cung - cầu, nhằm giành các điều kiện sản xuất, tiêu thụ và thị trường có lợi nhất” (Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, 1995: 357). Khái niệm “cạnh tranh” cũng thể hiện trong lĩnh vực thể thao, kinh doanh hay các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, trong đó “cạnh tranh” thường liên quan đến việc theo đuổi thành công tương đối trong một khuôn khổ có một số mức độ quy tắc hoặc chuẩn mực nhất định. Trong lĩnh vực ngoại giao,

^(*) PGS.TS., Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh;
Email: trannamtienqhqt@gmail.com

“cạnh tranh” được xem là một cách tiếp cận “nhấn mạnh sự quyết đoán hơn là sự đồng cảm. Các nhà đàm phán cạnh tranh coi chiến thắng là mục tiêu” (Mnookin et al, 2004: 51). Như vậy, “cạnh tranh” có liên quan đến sự tranh chấp và có thể nhận biết hoặc đo lường được bằng các thông số cụ thể. Khái niệm “cạnh tranh” trong chính trị học còn được hiểu là “xung đột”, đề cập đến “một cuộc đấu tranh hoặc tranh giành giữa những người có nhu cầu, ý tưởng, niềm tin, giá trị đối lập hoặc các mục tiêu chung” (Pia, Diez, 2007: 2).

Ở một định nghĩa hẹp hơn, nhiều học giả có xu hướng mô tả “cạnh tranh” gần giống “trạng thái chiến tranh”. Về bản chất, xung đột hoặc chiến tranh là một hình thức “cạnh tranh” đặc biệt ở mức độ gay gắt nhất, trong đó các chủ thể nỗ lực hành động để vượt trội hơn các đối thủ trong bối cảnh xung đột hoàn toàn (Dickey et al., 2015: 9-21); “cạnh tranh” thường được coi là một “cuộc thi đấu” trong đó mỗi bên (hoặc một trong hai bên) nỗ lực nhằm nâng cao quyền lực và ảnh hưởng của mình, thường là liên quan trực tiếp đến đối thủ cạnh tranh. Như vậy, “cạnh tranh” luôn bao hàm một số mức độ và cường độ đối kháng, thậm chí xuất hiện tình trạng “thù địch”.

Khái niệm “chiến lược” (strategy) bắt nguồn từ khái niệm “strategos” trong tiếng Hy Lạp cổ, có nguồn gốc từ lĩnh vực quân sự, nghĩa là vai trò của vị tướng trong quân đội. Đến thời Alexander Đại đế, khái niệm “chiến lược” được dùng để chỉ kỹ năng lãnh đạo nhằm khai thác các lực lượng, đánh bại đối phương và xây dựng nên một hệ thống thống trị. Vào cuối thế kỷ XIX, tại châu Âu, khái niệm “chiến lược” đã thâm nhập từ lĩnh vực quân sự sang lĩnh vực kinh doanh, và đến thế kỷ XX thì các quan điểm này đã thâm nhập sang lĩnh vực

quản lý nhà nước. Trong ấn bản đầu tiên của cuốn *Makers of Modern Strategy* (năm 1943), Edward Meade Earle đã đưa ra định nghĩa về chiến lược như sau: “Chiến lược là nghệ thuật kiểm soát và sử dụng các nguồn lực của một quốc gia - hoặc một liên minh các quốc gia - bao gồm cả các lực lượng vũ trang của quốc gia đó, nhằm mục đích để các lợi ích sống còn của quốc gia đó phải được thúc đẩy một cách hiệu quả và đảm bảo thành công trước kẻ thù, thực tế, tiềm năng, hoặc chỉ là giả định” (Earle, 1943: viii). Trong một bài báo về chiến lược công bố năm 2000, Giáo sư Richard K. Betts đã lập luận: “Chiến lược là thành phần thiết yếu để tạo nên chiến tranh hiệu quả về mặt chính trị hoặc có thể kéo dài về mặt đạo đức. Nó là mối liên hệ giữa các phương tiện quân sự và mục đích chính trị...” (Betts, 2000: 5).

Trong một bài báo đăng trên *The Washington Post* năm 2009, học giả, cựu cố vấn Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ Eliot Cohen đã giải thích: “Chiến lược là phân lựa chọn gắn liền với các mục tiêu”, có liên quan đến “các ưu tiên, trình tự và lý thuyết chiến thắng” (Cohen, 2009: 1). Thuật ngữ “chiến lược” theo nghĩa rộng còn được hiểu là sự quan trọng có tính toàn cục, then chốt và có giá trị tương đối lâu dài về mặt thời gian. Theo đó, chiến lược là tổng thể các phương châm và mưu lược được hoạch định để xác định mục tiêu, sắp xếp, quy tụ lực lượng và đề ra giải pháp nhằm đạt một mục đích nhất định bằng con đường có lợi nhất, tạo ra trạng thái phát triển mới của một lĩnh vực, toàn xã hội hoặc toàn thế giới trong một thời kỳ nhất định (Viện Chiến lược và Khoa học Công an, 2005: 211). Chiến lược nếu được hiểu là “một kế hoạch” thường mang ý nghĩa dài hạn hơn, trong khi đó nếu được hiểu là “mưu lược” thường mang ý nghĩa

ngắn hạn hơn, tuy nhiên, vẫn phải đảm bảo một mục tiêu dài hạn xuyên suốt.

Như vậy, tổng hợp hai khái niệm “cạnh tranh” và “chiến lược”, chúng ta có thể hiểu khái niệm “cạnh tranh chiến lược” (strategic competition) trong quan hệ quốc tế là sự ganh đua, đấu tranh của một quốc gia hoặc liên minh các quốc gia với quốc gia đối thủ của mình, thể hiện qua các phương châm, sách lược, chính sách được hoạch định trong một khoảng thời gian nhất định, hướng đến thực hiện các mục tiêu gắn với lợi ích quốc gia đã đề ra để tạo nên sự vượt trội so với đối thủ, hoặc phần thắng liên quan đến vị thế, quyền lực, sự ảnh hưởng hay lợi ích trên phương diện “cạnh tranh”.

Trong khoa học quan hệ quốc tế, các phạm trù “cạnh tranh” hoặc “cạnh tranh chiến lược” cũng rất ít được đề cập dưới góc độ lý thuyết, mặc dù tầm quan trọng của khái niệm này đối với các mô hình quan hệ quốc tế là rõ ràng (Waltz, 2000: 5-41). Trong bối cảnh quan hệ quốc tế, “cạnh tranh chiến lược” có thể được hiểu là một trạng thái quan hệ đối kháng, chủ yếu là cạnh tranh ảnh hưởng giữa các chủ thể quan hệ quốc tế, mà không thể hiện ở xung đột vũ trang trực tiếp giữa các bên, phản ánh ba yếu tố phân biệt cơ bản đã được đề cập trước đó: sự tranh chấp được nhận thức, nỗ lực để đạt được lợi thế chung và theo đuổi một kết quả tốt mà thường không có sẵn. Điều này ngụ ý các chủ thể cạnh tranh với nhau đồng thời có một mục tiêu chung về quyền lực, ảnh hưởng, sự thịnh vượng và địa vị, trong khi nguồn cung bị hạn chế. Trong lý thuyết quan hệ quốc tế, ở góc độ “lợi ích”, các chủ thể sẽ tính đến những cách thức được sử dụng nhằm đạt được lợi ích, trong đó các chủ thể sẽ đơn phương đặt những tính

toán của mình lên trên quan điểm lợi ích của các bên khác thay vì điều chỉnh hành động của họ vì lợi ích chung, dẫn đến cạnh tranh trong quá trình hợp tác. Mặc dù những hành vi cạnh tranh này không nhất thiết vì nỗ lực tìm kiếm lợi thế cho mình mà gây thương tích cho các bên còn lại, nhưng đó là hành vi tự định hướng không bị hạn chế bởi bất kỳ ý thức nào về lợi ích của người khác.

Từ các góc nhìn trên, “cạnh tranh chiến lược” theo quan điểm của lý thuyết và thực tiễn quan hệ quốc tế có thể hiểu rộng hơn là: “Cạnh tranh trong phạm vi quan hệ quốc tế liên quan đến nỗ lực giành lợi thế ảnh hưởng, thường liên quan đến những chủ thể được cho là gây ra thách thức hoặc mối đe dọa, thông qua việc theo đuổi các nội dung và mục tiêu cạnh tranh như quyền lực, an ninh, của cải, ảnh hưởng và địa vị”. Ở định nghĩa này, giả định cho rằng các quốc gia (hoặc nhóm các quốc gia) đang cạnh tranh chiến lược cho các mục tiêu cụ thể, chẳng hạn ngoài các vấn đề lợi ích và an ninh thiết yếu của quốc gia họ, các quốc gia này cũng nỗ lực cạnh tranh cho các mục tiêu rộng lớn hơn: vị trí lãnh đạo toàn cầu; và khả năng tác động hoặc quyết định các kết quả, đặc biệt là trong các vấn đề quốc tế hoặc ở các khu vực quan trọng đối với lợi ích của các quốc gia đó (Xem: Glaser, 2010: 35-40). Trung Quốc là ví dụ rõ nhất hiện nay, trong quá trình trỗi dậy từ đầu thế kỷ XXI, quốc gia này thể hiện rõ sự cạnh tranh để hoàn thành tốt các mục tiêu ngoài an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước mình, còn mong muốn có ảnh hưởng thống trị trong khu vực, và một vị thế toàn cầu ngang bằng với Hoa Kỳ. Như vậy, quá trình cạnh tranh ảnh hưởng giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ không còn ở cấp độ khu vực châu Á mà

đã nâng cấp lên ở mức độ toàn cầu (Ali, 2015: 147-187; Nacht et al., 2018: 109-115). Việc cạnh tranh không chỉ diễn ra giữa các “đối thủ”, mà còn có thể diễn ra giữa các quốc gia bạn bè hoặc đồng minh trong một lĩnh vực cụ thể như kinh tế, vị thế..., ví dụ trường hợp của Hoa Kỳ và các nước thuộc Liên minh Châu Âu (EU) trong lĩnh vực kinh tế và ảnh hưởng ở Tây Âu sau Chiến tranh Lạnh.

Từ các định nghĩa nêu trên, chúng ta có thể thấy hành vi cạnh tranh cũng chỉ là một trong số các chiến thuật hoặc chiến lược khả thi để đạt được các mục tiêu quốc gia. Cách tiếp cận này khác với phạm trù hợp tác (các chủ thể sẽ tìm kiếm những mục tiêu tương tự thông qua phối hợp các hoạt động với nhau vì lợi ích chung) và không bao hàm các chiến lược thúc đẩy lợi ích quốc gia theo cách đơn phương nhưng không cạnh tranh. Như vậy, cách tiếp cận này cho thấy khái niệm cạnh tranh chiến lược nhất thiết phải liên quan đến việc theo đuổi một mức độ thành công tương đối với các chủ thể khác, thay vì chỉ là nỗ lực của bản thân vì lợi ích riêng của mình. Góc nhìn này có lẽ phù hợp với khung lý thuyết của Chủ nghĩa Hiện thực (Realism), khi các học giả theo trường phái lý thuyết này cho rằng hệ thống quốc tế là một diễn đàn cho sự cạnh tranh, trong đó các quốc gia tìm cách chạy đua vượt mặt nhau trong việc theo đuổi các mục tiêu cao cấp như quyền lực và địa vị quốc tế. Trong cách tiếp cận của tất cả các trường phái trong Chủ nghĩa Hiện thực, một mục tiêu chủ yếu duy nhất của cuộc cạnh tranh giữa các chủ thể là “quyền lực” (power) hoặc “an ninh” (security) (Morgenthau, 1993: 5). Thông thường, các cách tiếp cận theo chủ nghĩa này thường tạo ra sự phân biệt rõ ràng giữa các lĩnh vực cạnh tranh chính trị - quân sự và tất cả các lĩnh vực

khác, giữa các hình thức quyền lực vật chất và các mục tiêu phi vật chất, địa vị và uy tín, ảnh hưởng.

Nhiều mục tiêu dẫn đến sự cạnh tranh của các quốc gia cũng được nhận diện, trong đó có một số mục tiêu vô hình (như địa vị) và một số mục tiêu nghiêm ngặt về kinh tế mà không nhất thiết chỉ là những mục tiêu cạnh tranh quân sự hoặc các mục tiêu vật chất khác. Thực tế, sự cạnh tranh giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế có thể xuất hiện ở nhiều dạng và theo nhiều cách khác nhau, và các mục tiêu cạnh tranh mà các quốc gia chú trọng cũng có thể thay đổi theo thời gian. Do đó, nhiều quốc gia, bên cạnh việc xây dựng các chính sách cạnh tranh trong hiện tại, cũng hoạch định hẳn một chiến lược cạnh tranh dài hạn trong tương lai. Ví dụ như Hoa Kỳ, bên cạnh việc hoạch định cạnh tranh với Trung Quốc ở các khu vực trọng điểm (biển Đông, Đông Nam Á, Nam Á, Trung Đông...) và hiện giờ là cạnh tranh ở cấp độ toàn cầu (chủ yếu là thương mại), thì một nhiệm vụ quan trọng được Hoa Kỳ đặt ra là đánh giá xem mình sẽ phải đối mặt với hình thức cạnh tranh cụ thể nào với Trung Quốc trong thập kỷ tới (Xem: Basse, 2019: 102-113).

Sau khi xem xét các định nghĩa từ các góc nhìn lý thuyết quan hệ quốc tế, chúng tôi quan niệm “cạnh tranh chiến lược” như là một “hiện tượng” đặc thù trong quan hệ quốc tế. Trên thực tế, quá trình cạnh tranh chiến lược có thể có những đặc điểm rất khác nhau, ngay cả trong cùng một cuộc cạnh tranh chiến lược các quốc gia cũng có thể cạnh tranh theo những cách khác nhau tùy theo thực lực của mình. Nhìn chung, trong một cuộc cạnh tranh chiến lược cụ thể, một quốc gia cần phải xem xét đặc điểm và thực lực cũng như mục

tiêu, nội hàm trong các chiến lược của các quốc gia đối thủ và cách thức hoạt động của các chiến lược đó. Những hiểu biết này hết sức quan trọng giúp một quốc gia có thể đưa ra những chiến lược, chính sách và công cụ cạnh tranh hiệu quả trong quá trình cạnh tranh.

2. Các biến số tác động đến “cạnh tranh chiến lược” trong quan hệ quốc tế

Thông qua các lý thuyết và thực tiễn lịch sử, chúng ta có thể xem xét các biến số dẫn dắt các chủ thể tham gia vào các cuộc “cạnh tranh chiến lược” trong quan hệ quốc tế hiện nay như sau:

Biến số đầu tiên được các học giả quan hệ quốc tế chú trọng là chế độ chính trị của quốc gia, hoặc có thể hiểu là vấn đề “ý thức hệ”. Biến số này xuất phát từ quan điểm của thuyết “Hòa bình nhờ dân chủ” (Democratic peace) với ý tưởng cho rằng các nền dân chủ có xu hướng không gây chiến với nhau (Doyle, 1986: 1151-1169). Thuyết này đưa ra nhiều lý do giải thích cho những khuôn mẫu như vậy, từ sự kiểm tra và cân bằng được xây dựng trong các hệ thống dân chủ đến thói quen giải quyết hòa bình các tranh chấp xuất hiện trong các xã hội được kiểm chứng trong lịch sử. Jack Levy - học giả người Mỹ cho rằng, đây có lẽ là thực tế trong quan hệ quốc tế có tính chất gần nhất với một quy luật thực nghiệm vốn hiếm hoi trong các ngành khoa học xã hội (Levy, 1988: 653-673). Phần lớn các nhà nghiên cứu ủng hộ thuyết “Hòa bình nhờ dân chủ” cho rằng có nhiều yếu tố khác nhau lý giải cho mỗi quan hệ hòa bình giữa các quốc gia dân chủ, chủ yếu là các nước tư bản chủ nghĩa. Các yếu tố này bắt nguồn từ chính tính chất của nền chính trị nội bộ ở các quốc gia dân chủ, cũng như mối quan hệ của họ với nhau trong hệ thống chính

trị quốc tế¹. Theo cách tiếp cận này, những quốc gia không cùng hệ thống chính trị, cụ thể là khác nhau về “ý thức hệ”, sẽ dễ dàng đi đến “cạnh tranh chiến lược”, thậm chí xung đột và có khả năng dẫn đến chiến tranh (Hensel et al., 2000: 1173-1188). Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, sự trỗi dậy của Trung Quốc - một quốc gia có sự khác biệt về “ý thức hệ” với các nước dân chủ, sẽ là nhân tố tạo nên các cuộc cạnh tranh chiến lược ở các cấp độ khác nhau, với các quốc gia dân chủ khác nhau, ví dụ: cạnh tranh chiến lược Trung - Mỹ; cạnh tranh chiến lược Ấn - Trung.

Biến số thứ hai cũng được tính đến để đánh giá tính cách của các đối thủ trong cuộc “cạnh tranh chiến lược” là yếu tố “bản sắc” (Identity) của chủ thể có liên quan đến vấn đề “lợi ích quốc gia” (National Interest). Yếu tố bản sắc của một quốc gia thể hiện một phần ở nhận thức về quốc gia đó thông qua các giá trị văn hóa, xã hội, vai trò lịch sử và tham vọng chính trị, những yếu tố được cho là đóng vai trò quan trọng và đôi khi chi phối trong việc hình thành nhận thức về lợi ích, mục tiêu và cả hành vi (Wendt, 1992: 391-425; Xem thêm: Chafetz et al., 1999). Như vậy, nhân tố “bản sắc” là “bộ lọc” cơ bản nhất thông qua các quốc gia để diễn giải đặc điểm của một cuộc cạnh tranh chiến lược, mục tiêu của quốc gia trong cuộc

¹ Mặc dù vậy, lập luận này cũng bị chỉ trích bởi nhiều học giả của các trường phái lý thuyết khác, bởi lẽ nếu các quốc gia dân chủ tự cho mình là hòa bình, thì về thực chất họ cũng phải duy trì quan hệ hòa bình với cả các quốc gia dân chủ và phi dân chủ. Tuy nhiên, trên thực tế, các quốc gia dân chủ cũng tiến hành hoặc tham gia, ủng hộ các cuộc chiến tranh chống lại các quốc gia phi dân chủ nhiều không kém bản thân các cuộc chiến tranh do các quốc gia phi dân chủ gây ra, và sự bất ổn thực tế vẫn tồn tại trong quan hệ quốc tế.

cạnh tranh đó và các tác động dẫn đến vị trí cạnh tranh của họ. Tuy nhiên, ở nhiều trường hợp, sự trỗi dậy của nhiều quốc gia đề cao yếu tố “bản sắc” có thể dẫn đến những cuộc “cạnh tranh chiến lược” tự nhiên, không thể tránh khỏi mà mức độ có thể sẽ dẫn đến xung đột và chiến tranh. Trong cấu trúc quốc tế hiện nay và trong điều kiện toàn cầu hóa, bản sắc của các quốc gia với tư cách là cường quốc mới nổi và lợi ích quốc gia của họ về phát triển kinh tế đã trở thành chủ đề chính xác định vị thế quốc tế của họ và định hướng việc hoạch định chính sách đối ngoại cho quốc gia đó. Từ góc độ tâm lý học, sự kết hợp giữa nhận thức với cảm xúc và bản sắc dễ tạo ra cái mà Thucydides gọi là “nỗi sợ hãi” đối với lực lượng cầm quyền và “sự kiêu ngạo” ở lực lượng đang trỗi dậy. Học giả Joseph Nye đã chỉ ra, khi các đối thủ coi đối phương là kẻ thù, điều này có thể trở thành một chu kỳ của những lời tiên tri tự ứng nghiệm, theo đó bất cứ điều gì một trong hai bên đối thủ làm thì đều bị bên kia coi là một nỗ lực thù địch nhằm thay thế hoặc kìm hãm họ (Nye, 2018). Ví dụ, trường hợp Trung Quốc hiện nay với những ý tưởng xây dựng xã hội “mang màu sắc quốc gia” với tư cách là một người chơi trên trường quốc tế, khác biệt về “ý thức hệ” và “bản sắc” so với nhiều quốc gia khác. Trên thực tế, Trung Quốc tự coi mình là bá chủ tự nhiên của khu vực theo tư tưởng “Dĩ Hoa vi trung” (Sinocentrism, 以華為中), với cả tiềm năng cũng như quyền lực về mặt tư tưởng/quyền lực mềm để thực hiện những ảnh hưởng vượt trội đối với các quốc gia khác. Do đó, bản sắc dân tộc của Trung Quốc sẽ ảnh hưởng đến hành vi của quốc gia này trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược với các cường quốc khác (Xiaoyu, 2017: 131-149).

Biến số thứ ba được xem xét như là “tính cách” của các chủ thể cạnh tranh chiến lược, thể hiện ở việc một chủ thể không hài lòng với vị thế hiện tại so với thực lực đang có và qua đó có ý định xem xét lại trật tự quan hệ quốc tế hiện tại. Dựa vào các lý thuyết quan hệ quốc tế, các học giả đã cố gắng xác định các mô hình quốc gia mới nổi muốn phá vỡ các trật tự hiện tại, đồng thời tham gia vào các hình thức cạnh tranh thường xuyên và gây mất ổn định do nhu cầu lật đổ hoặc thay đổi hệ thống quốc tế hiện có. Các quốc gia nằm trong biến này được gọi là các quốc gia theo “chủ nghĩa xét lại”, và kiểu “tính cách” này sẽ vừa kích động vừa làm trầm trọng thêm bản chất và mức độ cạnh tranh chiến lược với các đối thủ đang nắm quyền lực thực tế. Các quốc gia theo “chủ nghĩa xét lại” thường có lợi ích tương phản với các cường quốc đang nắm giữ quyền lực hiện tại vốn hài lòng với hệ thống quốc tế hoặc trật tự thế giới đang tồn tại. Nếu quốc gia đang nắm giữ quyền lực hiện tại cũng có “tính cách” thì cuộc cạnh tranh chiến lược sẽ càng phức tạp và căng thẳng tăng cao. Như vậy, sự trỗi dậy của một nước lớn đã phá vỡ vị thế của một quốc gia thống trị, và tạo nên sự căng thẳng về mặt cấu trúc kéo theo đã khiến độ bạo lực trở thành quy luật, không có ngoại lệ (Xem thêm: Allison, 2017).

Trường hợp cạnh tranh chiến lược Trung Quốc - Hoa Kỳ hiện tại là một ví dụ. Thực tế cho thấy, dù tồn tại nhiều khác biệt, nhưng Trung Quốc và Hoa Kỳ cùng có một điểm chung là hội chứng tự cho mình là ưu việt được đẩy lên một cách cực đoan. Với Hoa Kỳ, một quốc gia luôn tự cho mình là ưu việt về văn hóa, việc bị cạnh tranh và có thể bị thay thế bởi một dân tộc châu Á vốn từng bị họ coi thường, ghét bỏ với

những tính từ khinh miệt như “suy đồi, yếu đuối, hủ bại và thiếu năng lực” là một điều khó chấp nhận. Trong khi Trung Quốc, trải qua lịch sử phát triển lâu đời, luôn tự coi mình là một đế chế vĩ đại nhất, là trung tâm của thế giới văn minh, và có quyền đi giáo hóa các dân tộc xung quanh. Việc trải qua một “Thế kỷ ô nhục” (the Century of Humiliation, 百年國恥) với sự chiếm đóng của các nước phương Tây, trong đó có Hoa Kỳ, chỉ là những ký ức đáng quên, và là một sự bất thường của lịch sử, nơi người Trung Quốc vẫn là độc tôn và duy nhất. Đó cũng là nhân tố thúc đẩy mạnh mẽ Trung Quốc trỗi dậy, hoàn thành “giác mộng Trung Hoa” để thống lĩnh “thiên hạ” (天下)¹. Trong bối cảnh mối quan hệ kinh tế - chính trị giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ xuống thấp chưa từng có và các xung đột giữa hai quốc gia ngày càng leo thang, giới phân tích cảnh báo Hoa Kỳ và Trung Quốc có thể bị cuốn vào “bẫy Thucydides”², qua đó có thể khởi đầu một cuộc chiến tranh lạnh mới. Do đó, cuộc “cạnh tranh chiến lược” hiện tại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc có thể sẽ tạo nên những tác động và ý thức điều chỉnh bản thân không chỉ cho riêng Trung Quốc, mà cả chính Hoa Kỳ để cả hai

không phải rơi vào bẫy Thucydides (Xem: Misenheimer, 2019: 31-41).

Biến số thứ tư thuộc về nội bộ của các quốc gia tham gia “cạnh tranh chiến lược” và cũng là một cách để đánh giá “tính cách” của quốc gia đó, thông qua thực tiễn vận hành bộ máy quốc gia, cũng như tham khảo các bài học của lịch sử, các chủ thể chính trị và lợi ích trong nước qua nhiều loại hình và ảnh hưởng đa dạng có vai trò quan trọng trong việc hình thành đặc trưng của một quốc gia trong quan hệ quốc tế (Moravcsik, 1997: 513-553; Xem thêm: Snyder 1991). Ở các nước tư bản chủ nghĩa, biến số này thể hiện ở vai trò của các nhóm lợi ích, các nhóm ý thức hệ, đảng phái chính trị và liên minh với chính quyền. Trong đó, bộ máy chính quyền có thể ảnh hưởng đáng kể đến các quyết định của quốc gia khi tham gia vào quan hệ quốc tế, đặc biệt là các cuộc cạnh tranh chiến lược. Trong khi đó, ở một số quốc gia khác, những xung đột giữa các nhóm lợi ích trong nước, như bộ máy đảng chính trị, quân đội và đôi khi gồm cả các tác nhân phi chính phủ như tôn giáo, có thể có ảnh hưởng quan trọng đến quyết sách của quốc gia trong quá trình cạnh tranh chiến lược. Trong nhiều trường hợp cạnh tranh chiến lược, các nhóm lợi ích chính trị khác nhau đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy xung đột, thậm chí là chiến tranh (ví dụ trường hợp nước Đức trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, 1914-1918) hoặc ngăn cản tham vọng xác lập vị thế quốc tế của một quốc gia (trường hợp Hoa Kỳ trong thập niên 1930).

Cuối cùng, một biến số quan trọng chi phối hành vi của các quốc gia trong môi trường cạnh tranh chiến lược là vai trò của các nhà lãnh đạo hoặc nhóm lãnh đạo của quốc gia. Theo nhiều cách, quan điểm của nhà lãnh đạo đóng vai trò là “bộ lọc” cho tất

¹ 许纪霖 (2015), “新天下主义: 重建中国的内外秩序”, 载许纪霖, 刘擎主编: “新天下主义” (“知识分子论丛” 第13辑), 上海: 上海人民出版社, 页 3-25.

² “Bẫy Thucydides” (Thucydides’s Trap) là một khái niệm mang hàm nghĩa: chiến tranh là xu hướng tự nhiên khi một trung tâm quyền lực mới nổi lên đe dọa thay thế trung tâm quyền lực cũ. Bẫy Thucydides mang tên nhà sử học Hy Lạp cổ đại Thucydides, người đã có những quan sát về cuộc chiến tranh giữa quyền lực mới trỗi dậy là thành bang Athens và quyền lực cũ đang thống trị là thành bang Sparta. Cuộc chiến tranh giành quyền lực giữa hai bên là một trong những nguyên nhân khiến Nhà nước Hy Lạp cổ đại suy yếu và sụp đổ.

cả các biến số khác kể trên, ví dụ các nhà lãnh đạo cứng rắn sẽ có xu hướng hướng tới các hình thức cạnh tranh khốc liệt, thậm chí xung đột, trong khi các nhà lãnh đạo ôn hòa dễ chấp nhận hiện trạng hoặc không thích rủi ro sẽ nỗ lực tìm kiếm giải pháp dung hòa, chia sẻ quyền lực để cùng tồn tại hòa bình, thậm chí chuyển giao quyền lực trong hòa bình. Lịch sử cũng đã chứng minh trong nhiều trường hợp, hành vi của các quốc gia xuất phát từ các hành động và sự tương tác của các cá nhân, cụ thể là các lãnh đạo quốc gia. Theo đó, các cuộc chiến tranh có thể được tiến hành nhằm thỏa mãn những khát vọng quyền lực của người đứng đầu quốc gia. Trong nhiều trường hợp, chiến tranh chính là hậu quả của những ảo tưởng, quan điểm, sở thích cá nhân, hay tính toán sai lầm của các nhà lãnh đạo khi đẩy cuộc “cạnh tranh chiến lược” lên mức cao độ, ví dụ trường hợp của Adolf Hitler khi đưa Đức trở thành nước phát động cuộc Chiến tranh Thế giới thứ Hai trong cuộc cạnh tranh chiến lược với các cường quốc phương Tây lúc bấy giờ. Nhìn chung, quan điểm và quyết định của các nhà lãnh đạo quốc gia hoặc nhóm lãnh đạo có thể trở nên đặc biệt quan trọng để định hình tư thế cạnh tranh của một quốc gia, nhu cầu và bản chất của chính cạnh tranh chiến lược (Soltani et al., 2015: 166-171; Mazarr et al., 2018: 17).

3. Kết luận

Nhìn chung, từ góc nhìn quan hệ quốc tế, phạm trù “cạnh tranh chiến lược” có thể được hiểu là một trạng thái quan hệ đối kháng, thường không xảy ra xung đột vũ trang trực tiếp giữa các bên, ngụ ý các chủ thể cạnh tranh với nhau có một mục tiêu chung về quyền lực, ảnh hưởng, sự thịnh vượng và địa vị. Theo quan điểm của lý thuyết và thực tiễn quan hệ quốc tế, có thể hiểu cạnh tranh chiến lược là sự cạnh tranh

trong phạm vi quan hệ quốc tế liên quan đến nỗ lực giành lợi thế ảnh hưởng, thường liên quan đến những chủ thể được cho là gây ra thách thức hoặc mối đe dọa, thông qua việc theo đuổi các nội dung và mục tiêu cạnh tranh như quyền lực, an ninh, của cải, ảnh hưởng và địa vị. Ở góc độ lý thuyết, Chủ nghĩa Hiện thực sẽ được xem là cách tiếp cận phù hợp với phạm trù “cạnh tranh chiến lược” giữa các chủ thể khi mục tiêu phổ biến được đề cập là quyền lực (power) hoặc an ninh (security).

Gắn với thực tiễn quan hệ quốc tế hiện nay, “cạnh tranh chiến lược” là một hiện tượng đặc thù trong quan hệ quốc tế. Bên cạnh đó, trong quá trình cạnh tranh chiến lược, các chủ thể hoặc nhóm chủ thể sẽ chịu ảnh hưởng khá lớn từ các biến số tác động, cụ thể là: chế độ chính trị của quốc gia (ý thức hệ), bản sắc quốc gia, tính cách của quốc gia, bộ máy điều hành quốc gia và vai trò khá quan trọng của nhà lãnh đạo hoặc nhóm lãnh đạo quốc gia. Có thể nói, các biến số này có tác động rất lớn đến quá trình và nội dung cạnh tranh chiến lược của các chủ thể trong quan hệ quốc tế hiện nay □

Tài liệu tham khảo

1. Alan, Greeley Misenheimer (2019), *‘Thucydides’ other “Traps”: The United States, China, and the prospect of “inevitable” war*, National Defense University Press, Washington, D.C.
2. Ali, S. Mahmud (2015), “Strategic competition in a globalised world”, in: *US - China strategic competition: Towards a new power equilibrium*, Springer, Mass.
3. Andrew, Moravcsik (1997), “A liberal theory of international politics”, *International Organization*, Vol. 51, No. 4.
4. Alexander, Wendt (1992), “Anarchy is what states make of it: The social

- construction of power politics”, *International Organization*, Vol. 46, No. 2.
5. Ben, Sasse (2019), “The end of the end of history: Reimagining U.S. foreign policy for the 21st century”, *Texas National Security Review*, Vol. 2, No. 2.
 6. Charles, Glaser (2010), *Rational theory of international politics: The logic of competition and cooperation*, Princeton University Press, Princeton, N.J.
 7. Dickey, Jeffrey V., Everett, Thomas B., Galvach, Jane M., J. Mesko, Matthew, V. Soltis, Anton (2015), *Russian political warfare: origin, evolution and application*, Naval Postgraduate School.
 8. Edward, Meade Earle (ed.) (1943), *Makers of modern strategy*, Princeton University Press, Princeton, NJ.
 9. Eliot, Cohen (2009), “Obama’s COIN [Counterinsurgency] Toss”, *The Washington Post*, December.
 10. Fakhreddin, S., Saeid, N., Reza, E. A. (2015), “Levels of analysis in international relations and regional security complex theory”, *Journal of Public Administration and Governance*, Vol. 4, No. 4.
 11. Graham, Allison (2017), *Destined for war: Can America and China escape Thucydides’s Trap?*, Houghton Mifflin Harcourt Publishers, Boston.
 12. Glenn Chafetz, Michael Spirtas, Benjamin Frankel (1999), *The origins of national interests*, Frank Cass Publishers, London.
 13. Hans Joachim Morgenthau (1993), *Politics among nations: The struggle for power and peace*, McGraw Hill Publishers, New York.
 14. Hensel, Paul - Gary Goertz - Paul Diehl (2000), “The democratic peace and rivalries”, *The Journal of Politics*, Vol. 62, No. 4.
 15. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 1, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
 16. Jack Levy (1988), “Domestic politics and war”, *The Journal of Interdisciplinary History*, Vol. 18, No. 4.
 17. Jack Snyder (1991), *Myths of empire: domestic politics and international ambition*, Cornell University Press, Ithaca, N.Y.
 18. Joseph, S. Nye, Jr. (2018), “The cooperative rivalry of U.S. - China relations”, *Project Syndicate*, <https://www.project-syndicate.org/commentary/china-america-relationship-cooperative-rivalry-by-joseph-s-nye-2018-11>, truy cập ngày 23/11/2019.
 19. Kenneth, N. Waltz (2000), “Structural realism after The Cold war”, *International security*, Vol. 25, No.1.
 20. Nguyễn Văn Khôn (1960), *Hán - Việt từ điển*, Khai Trí xuất bản, Sài Gòn.
 21. Michael W. Doyle (1986), “Liberalism and world politics”, *American Political Science Review*, Vol. 80, No. 4.
 22. Michael Nacht, Sarah Laderman, Julie Beeston (2018), *Strategic competition in China - US relations*, Livermore Papers on Global Security, No.5, Center for global security research, Lawrence Livermore National Laboratory.
 23. Michael J., Mazarr, Jonathan S., Blake, Abigail, Casey, Tim, McDonald, Stephanie, Pezard, Michael, Spirtas (2018), *Understanding the emerging era of international competition: theoretical and historical Perspectives*, Santa Monica, Rand, CA.

(xem tiếp trang 49)